TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: **105**/2025/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 21 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 98/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu:*

- Ông **Trương Văn P**, sinh năm 1995; CCCD số: 049095007634, ngày cấp: 21/03/2023. HKTT: 69 Tạ Mỹ D, phường A, TP Đà Nẵng. Địa chỉ: 39 Trà K, phường N, TP Đà Nẵng.

- Bà **Hoàng Mai L**, sinh năm 1995; CCCD số: 015195008352, ngày cấp: 04/03/2022. HKTT: Tổ 12, phường T, tỉnh Lào Cai. Địa chỉ: Căn hộ C, Tòa S, Tổ 12, phường T, TP Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành) ngày 13 tháng 8 năm 2025, người yêu cầu là ông Trương Văn P và bà Hoàng Mai L đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Văn P và bà Hoàng Mai L tự nguyện kết hôn vào ngày 02/4/2019 có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S (nay là phường A), TP Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 50, do Ủy ban nhân dân phường A, quận S, TP Đà Nẵng cấp ngày 02/4/2019). Trong quá trình chung sống, 2 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về tính tình, quan điểm sống và cách ứng xử nên không có tiếng nói chung, mặc dù đã cố gắng tìm biện pháp hàn gắn nhưng không có kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà đã thuận tình ly hôn. Vì vậy, ông bà yêu cầu tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông Trương Văn P và bà Hoàng Mai L có 01 con chung tên là Trương Hoàng Minh T, sinh ngày: 10/3/2020. Ông bà thỏa thuận khi ly hôn giao con Trương Hoàng Minh T cho bà Hoàng Mai L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trương Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/9/2025 cho đến khi con Trương Hoàng Minh T đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Ông Trương Văn P và bà Hoàng Mai L đều xác định không có tài sản chung.

[4] Về tài nợ chung: Ông Trương Văn P và bà Hoàng Mai L đều xác định không có nợ chung.

[5] Lệ phí việc hôn nhân gia đình: Ông Trương Văn P và bà Hoàng Mai L mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0001259 ngày 29/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Văn P và bà Hoàng Mai L thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 50, do Ủy ban nhân dân phường A, quận S, (nay là phường A), TP Đà Nẵng cấp ngày 02/4/2019 không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Ông Trương Văn P và bà Hoàng Mai L đều xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Trương Hoàng Minh T, sinh ngày: 10/3/2020. Ly hôn, ông bà thống nhất giao con Trương Hoàng Minh T cho bà Hoàng Mai L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trương Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/9/2025 cho đến khi con Trương Hoàng Minh T đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm. Khi cần thiết vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Ông Trương Văn P và bà Hoàng Mai L đều xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông Trương Văn P và bà Hoàng Mai L đều xác định không có nợ chung.

2. Lệ phí việc hôn nhân gia đình: Ông Trương Văn P và bà Hoàng Mai L mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0001259 ngày 29/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 2 – Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 2 – Đà Nẵng;
- UBND phường A, TP Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thế Tài